TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 85/2026/DS-ST
Ngày 29 tháng 4 năm 2026
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ngọc Thảo
Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Sức
Ông Đặng Anh Đoan

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 12, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12 tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Phong là Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 12, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 125/2026/TLST-DS ngày 10/3/2026 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 144/2026/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Cao Thanh T, sinh năm 1979 nơi cư trú tại: tổ A, ấp B, xã C, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của ông T: ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1974 có địa chỉ số B, đường T, khóm Đ, phường L, tỉnh An Giang (văn bản uỷ quyền ngày 28/11/2025).

CCCD số: 089079008653, ngày 28/11/2025.

- *Bị đơn*:

Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1956. CCCD số 089156014255.

Ông Dương Quốc T2, sinh năm 1952. CCCD số 089052009019.

Cùng trú tại tổ H, ấp P, xã P, tỉnh An Giang.

(ông H có mặt, các đương sự còn lại xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đơn khởi kiện ngày 25/01/2026 nguyên đơn ông Cao Thanh T do ông Nguyễn Thanh H đại diện trình bày:

Do mối quan hệ quen biết là hàng xóm nên vợ chồng ông Dương Quốc T2, bà Nguyễn Thị T1 hỏi vay ông Cao Thanh T số vàng 30 chỉ vàng 24kr, vàng 9999, loại vàng nhẫn thời hạn vay là 12 tháng lãi suất là 03%/tháng, mục đích vay để sản xuất kinh doanh. Ngày 12/8/2023, bà T1 vay thêm số tiền 40.000.000 đồng, ngày 06/3/2024 vay thêm số tiền 30.000.000 đồng, cả hai khoản vay trên thời hạn vay là 12 tháng. Hết thời hạn vay phía ông T đã nhiều lần nhắc nhở vợ chồng ông T2, bà T1 trả các khoản nợ gồm số vàng và tiền nêu trên nhưng không thực hiện. Ngày 31/12/2025 bà T1 ký xác nhận nợ ông T tổng cộng 30 chỉ vàng 9999 loại vàng 24kr và số tiền vay 70.000.000 đồng. Nay yêu cầu Toà án nhân dân Khu vực 12, buộc vợ chồng bà T1, ông T2 trả 30 chỉ vàng 24kra loại vàng 9999 và 70.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T1, ông Dương Quốc T2 trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 31/3/2026:

Bà T1, ông T2 là vợ chồng hiện cư trú tại ấp P, xã P, tỉnh An Giang, tại hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đề ngày 12/6/2021 ghi Nguyễn Thị T1, sinh năm 1952 là giấy chứng minh nhân dân nay Nguyễn Thị T1, sinh năm 1956 là căn cước công dân, bà T1, ông T2 và ông T không bà con họ hàng, chỉ quen biết làm ăn qua lại, vì ông T có mua bán điện thoại tại xã P, chúng tôi Tiết, T2 có vay số vàng 30 chỉ của ông T, lãi suất thoả thuận là 03%/tháng, mỗi tháng bà T1 đóng lãi là 4.500.000 đồng, khi vay bà T1, ông T2 có thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Dương Quốc T2 để làm tin cho số vàng đã vay. Chữ ký tên, dấu vân tay trong hợp đồng thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là của vợ chồng ông T2, bà T1, 30 chỉ vàng là bà T1, ông T2 nhận một lần, sau khi vay chúng tôi có đóng lãi cho ông T được vài lần thì ngưng không nhớ rõ thời gian và đóng lãi được mấy lần, sau đó ông T có đến gặp bà T1 xác định lại còn nợ ông T số vàng 30 chỉ và số tiền 70.000.000 đồng đề ngày 31/12/2025, biên nhận ngày 31/12/2025 nội dung là ông T viết, chữ ký tên, ghi họ và tên là của bà T1. Việc làm hợp đồng thế chấp chủ yếu để làm tin cho số tiền vàng đã vay, đất hiện tại bà T1, ông T2 vẫn đang quản lý, sử dụng. Quá trình vay bị đơn bà T1 đã trả cho ông T được 01 chỉ vàng 24kra loại vàng 9999 (vàng nhẫn), số tiền lãi đã trả không có ý kiến và yêu cầu gì, hiện đã lớn tuổi không có khả năng trả một lần xin trả dần 29 chỉ vàng 24kra loại vàng 9999 và 70.000.000 đồng tiền lãi còn nợ. Xin được vắng mặt khi Toà án mời làm việc, hoà giải cho đến khi vụ án được xét xử xong.

Tờ tường trình ngày 09/4/2026 bà Nguyễn Thị Tuyết T3 trình bày:

Theo nội dung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền

với đất ngày 12/6/2021 vợ chồng ông T2, bà T1 với ông Cao Thanh T, để ông T cho vợ chồng ông T2, bà T4 vay số vàng 30 chỉ vàng 24kra loại vàng 9999, trong hợp đồng có đề cập đến bà Nguyễn Thị Tuyết T3 là do hợp đồng đánh sẵn tên bà Tuyết T3 thực tế bà T3 không tham gia giao dịch gì đối với việc vay tiền vàng của ông T2, bà T1 và cũng không ký tên trong hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.

Người làm chứng ông Huỳnh Thanh L trình bày:

Theo nội dung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 12/6/2021 vợ chồng ông T2, bà T1 với ông Cao Thanh T, để ông T cho vợ chồng ông T2, bà T1 vay số vàng 30 chỉ vàng 24kra loại vàng 9999, tại mục người làm chứng (Huỳnh Thanh L) là do trong hợp đồng có đánh sẵn họ, tên Huỳnh Thanh L và ông L ký tên vào mục người làm chứng thực tế ông không tham gia chứng kiến việc giao dịch, chỉ một mình ông Trung trực T5 giao dịch với vợ chồng ông T2, bà T1 về việc vay mượn tiền vàng.

Tại phiên Tòa:

Nguyên đơn ông Cao Thanh T do ông Nguyễn Thanh H đại diện chỉ yêu cầu bà T1, ông T2 trả 29 chỉ vàng 24kra loại vàng 9999, rút lại yêu cầu trả 01 chỉ vàng 24kra, số tiền 70.000.000 đồng, không yêu cầu bị đơn bà T1, ông T2 trả lãi. Khi nào bị đơn trả đủ tiền cho ông T, ông T trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12 phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định Điều 85, 86 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Nguyễn Thị T1, ông Dương Quốc T2 trả cho ông Cao Thanh T 29 chỉ vàng 24kra loại vàng 9999. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu trả 01 chỉ vàng 24kr (loại vàng nhẫn) và số tiền 70.000.000 đồng. Các đương sự không yêu cầu việc trả lại giấy nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện bị đơn có nơi cư trú tại xã P, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân Khu vực 12 thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 26, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ tranh chấp: nguyên đơn khởi kiện bị đơn trả tiền, vàng theo thoả thuận, do đó xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả 30 chỉ vàng 24kra loại vàng 9999 và 70.000.000 đồng còn nợ nhưng tại phiên tòa đại diện nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả 29 chỉ vàng 24kr loại vàng 9999 (vàng nhẫn). Việc rút yêu cầu này là tự nguyện, do đó Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện 01 chỉ vàng 24kr và 70.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn bà T1, ông T2 có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Thị Tuyết T3 trình bày, việc giao dịch mượn tiền vàng giữa ông T, bà T1, ông T2, bà N không biết và không tham gia bất kỳ giao dịch nào giữa hai bên nên không cần thiết đưa bà T3 tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[2] Về nội dung:

Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Cao Thanh T yêu cầu bị đơn bà T1, ông T2 trả vàng vay còn nợ và để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, nguyên đơn cung cấp biên nhận nợ ngày 12/8/2023, ngày 06/3/2024, ngày 31/12/2025 và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 12/6/2021 còn nợ số vàng 30 chỉ vàng 24kr loại vàng 9999, có chữ ký tên, ghi họ tên của ông Dương Quốc T2, bà Nguyễn Thị T1.

Sau khi nhận tiền vay thì bà T1 thực hiện nghĩa vụ trả lãi được vài tháng thì ngưng, nên ngày 12/8/2023 bà T1 làm biên nhận nợ 40.000.000 đồng, ngày 06/3/2024 bà T1 làm tiếp biên nhận nợ số tiền 30.000.000 đồng, tổng cộng 70.000.000 đồng, thực tế số tiền 70.000.000 đồng là tiền lãi vay của số vàng 30 chỉ.

Quá trình tố tụng và tại phiên Toà nguyên đơn ông T, bị đơn bà T1, ông T2 thống nhất lãi suất thoả thuận khi vay là 3%/tháng, chữ ký tên ghi họ và tên bà Nguyễn Thị T1, ông Dương Quốc T2 trong các biên nhận 12/8/2023, ngày 06/3/2024, ngày 31/12/2025 và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 12/6/2021 là của bị đơn bà T1, ông T2, thống nhất số tiền 70.000.000 đồng đó là tiền lãi, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả 29 chỉ vàng 24kr loại vàng 9999, không yêu cầu trả số tiền 70.000.000 đồng đó là tình tiết sự kiện nguyên đơn không phải chứng minh và phù hợp với quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét thấy hợp đồng vay tài sản là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015. Ông T2, bà T1 vi phạm nghĩa vụ

trả lại số tiền trên là vi phạm nghĩa vụ thanh toán được quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Cao Thanh T là có căn cứ nên chấp nhận. Nguyên đơn ông Cao Thanh T chỉ yêu cầu ông T2, bà T1 trả 29 chỉ vàng 24kra loại vàng 9999, không yêu cầu tính lãi nên không xem xét giải quyết.

Đối với việc thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất. Xét thấy, ông T với ông T2 và bà T1 lập hợp đồng vay tiền có nội dung thế chấp quyền sử dụng đất cho ông T. Tuy nhiên, giữa hai bên không lập hợp đồng thế chấp và đăng ký giao dịch tài sản bảo đảm theo quy định pháp luật, mục đích ghi nhận việc thế chấp nhằm làm cơ sở để các bên tin tưởng nhau khi vay. Các đương sự không yêu cầu việc trả lại giấy vì thế HĐXX không xem xét giải quyết.

[4] *Về án phí*: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự

Căn cứ Điều 105, 357, 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự;

Điều 12, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu trả 01 chỉ vàng 24kr (loại vàng nhẫn) và số tiền 70.000.000 đồng.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Cao Thanh T về hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Nguyễn Thị T1, ông Dương Quốc T2 có nghĩa vụ trả cho ông Cao Thanh T 29 chỉ vàng 24kr loại vàng 9999 (vàng nhẫn).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả tiền thì còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Bà Nguyễn Thị T1, ông Dương Quốc T2 không phải chịu án phí do bà T1, ông T2 là người cao tuổi theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 nghị quyết 326, ngày 30/12/2016.

Ông Cao Thanh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông T tiền tạm ứng án phí là 13.000.000 đồng (Mười ba triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 302094 ngày 03/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12;
- Thi hành án dân sự tỉnh An Giang;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 12;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Ngọc Thảo